

Số: /2021/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm  
nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 172/TTr-SNN ngày 02 tháng 11 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Quy định phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025**

**1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**a) Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết đối với các dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025.

**b) Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết.

Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

## 2. Thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết trong các trường hợp sau đây:

Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết thuộc ngân sách tỉnh hỗ trợ thông qua các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

Dự án liên kết có tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước từ 02 (hai) tỷ đồng trở lên.

Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết triển khai trên địa bàn từ 02 huyện trở lên.

b) Phân cấp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phê duyệt các dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

## 3. Hồ sơ và trình tự thủ tục phê duyệt hỗ trợ liên kết

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

4. Quy định chuyên tiếp phê duyệt đối với các dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết

Các dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết đã gửi hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định trước ngày Quyết định này có hiệu lực; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục thực hiện các trình tự, thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Tiếp nhận hồ sơ, xem xét, tổ chức thẩm định đối với các dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hỗ trợ liên kết theo phân cấp tại điểm a khoản 2 Điều 1.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

c) Kiểm tra, đôn đốc và định kỳ hàng năm (trước ngày 25/12) tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định tại khoản 6, Điều 17 Nghị định 98/2018/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các nội dung được phân cấp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết định của mình đối với việc thẩm định, phê duyệt các dự án liên kết, kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.

b) Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế) tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phê duyệt các dự án liên kết, kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.

c) Kiểm tra, đôn đốc và định kỳ hàng năm (trước ngày 20/12) tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2021.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như khoản 2, Điều 3;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TH, KTTH, NC, KTN, TKCT;
  - + TTTT, Công thông tin điện tử tỉnh;
  - + Lưu: VT, NN Thăng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**